

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07-7-2021
V/v yêu cầu không công nhận vợ
chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý;

Ông Ngô Hoàng Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về yêu cầu “Không công nhận vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Minh H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Y, xã Vĩnh T, huyện Thanh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 02/12/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày:

Bà và ông Huỳnh Minh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống

đã ly thân khoảng 01 năm nay, ông H hiện đã có người phụ nữ khác. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà và ông H là vợ chồng. Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Thùy L, sinh ngày 06/6/1996 và Huỳnh Minh T, sinh ngày 12/02/2001 hiện các con đều trưởng thành. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Minh H vắng mặt không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thủ tục đối với phiên tòa. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà D và ông H chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà D và ông H là vợ chồng. Các con chung đã trưởng thành không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung không xem xét, do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà D yêu cầu không công nhận vợ chồng do không có đăng ký kết hôn. Quan hệ tranh chấp nêu trên được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 14, Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Huỳnh Minh H được Tòa án triệu hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H.

[2] Theo biên xác minh ngày 25/5/2021 của Tòa án đối với Trưởng Ban nhân dân ấp Y, xã Vĩnh T, ông Nguyễn Văn L cung cấp thông tin ông H đi làm thuê, không rõ địa chỉ, nhưng hộ khẩu vẫn còn ở ấp Y. Theo biên bản xác minh ngày 25/5/2021 bà Đỗ Thị P là mẹ ruột ông H trình bày, sau khi cưới nhau vợ chồng ông H sống chung với bà, cách đây 03 năm thì đi thành phố làm thuê, thỉnh thoảng có về nhà rồi lại đi tiếp, năm 2020 vợ chồng ông H về cất nhà ở riêng được vài tháng thì tiếp tục đi thành phố sau đó xảy ra mâu thuẫn. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà P nhận thay ông H đồng thời niêm yết theo đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà D.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời bà D trình bày, bà và ông H tự nguyện chung sống từ năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Tại văn bản số 245/UBND ngày 30/11/2020, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L xác nhận trong thời gian

cư ngụ ấp X, xã Vĩnh L từ năm 1995 đến năm 2003 đương sự Trần Thị D không có tên trong sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L và tại văn bản số 37/GXN-UBND ngày 30/11/2020 Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T xác nhận trong thời gian cư trú tại ấp Y, xã Vĩnh T từ năm 2003 đến nay bà D không có tên trong sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh T. Xét thấy, bà D và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Tại phiên tòa, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận giữa bà và ông H là vợ chồng. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định *“Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”* và tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp quy định *“Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con, quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình”*. Căn cứ các quy định trên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà D và ông H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Điều trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D trình bày tài sản tự thỏa thuận và nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Dung phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[7] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị D và ông Huỳnh Minh H là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị D không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008347 ngày 14/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, bà D đã nộp đủ án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với ông Huỳnh Minh H vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi Cục THADS Thạnh Trị;
- UBND xã Vĩnh L;
- UBND xã Vĩnh T;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Nghiệp